

Tác động của Chương trình 135 đến sinh kế của người Mường tại huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

Nguyễn Thế Anh^(*)

Tóm tắt: Dưới tác động của Chương trình 135, thời gian qua, sinh kế của người Mường tại huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa (đặc biệt ở 4 xã trọng điểm trong nghiên cứu của chúng tôi là Cẩm Giang, Cẩm Lương, Cẩm Liên, Cẩm Thành) còn ở mức độ thấp nhưng đã có sự thay đổi đáng kể và nhanh chóng. Sự thay đổi này thể hiện từ các nguồn vốn nhân lực đến tự nhiên, tài chính, vật chất và xã hội. Từ đó có thể thấy vai trò quan trọng của Chương trình 135 đối với sự phát triển sinh kế của người Mường nơi đây, đặc biệt là quá trình đầu tư về hệ thống điện, đường, trường, trạm tạo điều kiện hỗ trợ đầu tư vào sản xuất.

Từ khóa: Chương trình 135, Sinh kế, Người Mường, Vốn xã hội

Thuật ngữ “sinh kế” ra đời vào những năm 1980 khi Robert Chambers là người đầu tiên tiếp cận. Ông cho rằng, “sinh kế” gồm năng lực, tài sản, cách tiếp cận (sự dự trữ, tài nguyên, quyền sở hữu, quyền sử dụng) và các hoạt động cần thiết cho cuộc sống (Dẫn theo: Bùi Bích Lan, 2013). Còn theo Bộ Phát triển quốc tế Anh (DFID) định nghĩa trong khung phân tích sinh kế thì “sinh kế bao gồm các khả năng, các tài sản (bao gồm cả các nguồn lực vật chất và xã hội) và các hoạt động cần thiết để kiếm sống” (Dẫn theo: Nguyễn Văn Sửu, 2010).

Khi triển khai các chương trình hoạt động phát triển cộng đồng tại Việt Nam, Trung tâm Phát triển nông thôn miền Trung (CRD) cho rằng, sinh kế là “tập hợp tất cả các nguồn lực và khả năng mà

con người có được, kết hợp với những quyết định và hoạt động mà họ thực thi nhằm để kiếm sống cũng như để đạt được các mục tiêu và ước nguyện của họ” (Dẫn theo: Bùi Bích Lan, 2013).

Huyện Cẩm Thủy (tỉnh Thanh Hóa) có ba tộc người Kinh, Mường, Dao cùng sinh sống, trong đó người Mường chiếm gần 52,4% dân số. Dưới tác động của Chương trình 135 và một số chương trình khác, sinh kế của các tộc người thiểu số tại địa bàn huyện Cẩm Thủy nói chung và người Mường nói riêng đã có sự thay đổi đáng kể, vừa trên góc độ vĩ mô toàn huyện vừa trên góc độ vi mô hộ gia đình. Sự thay đổi đó có thể nhìn thấy qua các nguồn vốn sinh kế và đánh giá của người dân.

1. Chương trình 135 và các hoạt động triển khai ở huyện Cẩm Thủy

Chương trình 135 được ban hành theo quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày

^(*) ThS., Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Email: nguyennhanh.cvh@gmail.com

31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, khoảng 1.000 xã trong 1.715 xã thuộc diện khó khăn, các huyện đặc biệt khó khăn được Chính phủ lựa chọn để tập trung đầu tư. Những xã còn lại được ưu tiên đầu tư thông qua những chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án, chương trình phát triển khác.

Theo kế hoạch ban đầu, Chương trình sẽ kéo dài 7 năm và chia làm hai giai đoạn: giai đoạn 1998-2000 và giai đoạn 2001-2005. Tuy nhiên, do hiệu quả trong thực tế, Chương trình 135 đã được tiếp tục đầu tư từ năm 2006 đến 2010 theo quyết định 07/2006 QĐ-TTg.

Mục tiêu tổng quát của Chương trình 135 là nâng cao nhanh chóng đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu và vùng xa; tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hòa nhập vào sự phát triển chung của cả nước; góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc phòng. Việc kéo dài Chương trình nhằm mục tiêu tạo sự chuyển biến nhanh về sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất gắn với thị trường, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Tổng kinh phí của toàn bộ Chương trình đã thực hiện ở giai đoạn 1998-2005 khoảng 10 nghìn tỷ đồng. Cả nước đã xây dựng và đưa vào sử dụng hơn 25 nghìn công trình thiết yếu các loại, góp phần thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn miền núi, cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc nói chung. Giai đoạn 2006-2010, ngân sách Trung ương đã bố trí 14.025,25 tỷ đồng, đã giải ngân

13.604,5 tỷ đồng đạt 97,1% vốn giao. Nguồn vốn trên được bố trí cho bốn lĩnh vực cụ thể, đó là: Hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng; Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ xã, thôn bản có đủ năng lực đảm nhận sự phân cấp; Hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân; Trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật (Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa, 2012).

Tổng kết 5 năm triển khai Chương trình giai đoạn 2006-2010 cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giảm từ 47% (năm 2006) xuống còn 28,8% (năm 2010). Thu nhập bình quân đầu người được nâng cao, đạt 4,2 triệu đồng/người/năm vào năm 2010. Tăng tỷ lệ xã có đường giao thông cho xe cơ giới từ trung tâm xã đến thôn, bản đạt 80,7%, 100% xã có trạm y tế; 100% người dân có nhu cầu đều được trợ giúp pháp lý miễn phí (Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa, 2012).

Ở huyện Cẩm Thủy, Chương trình 135 được thực hiện trên nhiều xã từ năm 1999 đến nay. Mục tiêu cụ thể của Chương trình 135 khi triển khai cho 1.000 xã trong 1.715 xã đặc biệt khó khăn trên cả nước nói chung cũng là mục tiêu huyện Cẩm Thủy đặt ra khi triển khai Chương trình tại một số xã đặc biệt khó khăn của huyện có đông người Mường sinh sống nói riêng, và được phân kỳ theo từng giai đoạn:

Giai đoạn 1998-2000: Về cơ bản không còn hộ đói kinh niên, mỗi năm giảm được 4-5% hộ nghèo; bước đầu cung cấp cho đồng bào có nước sinh hoạt, thu hút phần lớn trẻ em trong độ tuổi đến trường; kiểm soát được một số dịch bệnh hiểm nghèo; có đường giao thông dân sinh kinh tế đến các trung tâm cụm xã; phần lớn đồng bào người Mường được hưởng thụ

văn hóa và thông tin (Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa, 2006).

Giai đoạn 2001-2005: Giảm tỷ lệ hộ nghèo của người Mường ở các xã đặc biệt khó khăn xuống còn 25% vào năm 2005; đảm bảo cung cấp cho đồng bào người Mường có nước sinh hoạt; thu hút trên 70% trẻ em của đồng bào dân tộc Mường trong độ tuổi đến trường, đại bộ phận đồng bào người Mường được bồi dưỡng, tiếp thu kinh nghiệm sản xuất, kiến thức khoa học, văn hóa, xã hội và chủ động vận dụng vào sản xuất và đời sống; kiểm soát được phần lớn các dịch bệnh hiểm nghèo; có đường giao thông cho xe cơ giới và đường dân sinh kinh tế đến trung tâm cụm xã; thúc đẩy phát triển thị trường nông thôn (Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa, 2006).

Chương trình 135 được tiếp tục là một trong những chương trình giảm nghèo lớn nhất trong giai đoạn 2006-2010, tập trung vào các vùng đặc biệt khó khăn nơi cư dân chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có một số xã thuộc huyện Cẩm Thủy. Cùng với mục tiêu chung khi triển khai trên cả nước ở giai đoạn kéo dài, Chương trình quyết tâm đánh giá được hiệu quả cũng như những hạn chế của Chương trình nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả các chương trình trong tương lai của Chính phủ. Huyện Cẩm Thủy có một số xã, thôn, bản nằm trong Chương trình 135 kéo dài giai đoạn 2006-2010.

Dưới tác động của Chương trình 135, huyện Cẩm Thủy nói chung và các địa phương có đồng bào người Mường nói riêng đã có sự thay đổi qua các thời kỳ và tùy thuộc vào từng giai đoạn, mức đầu tư. Tác động của Chương trình đến từng địa phương, từng xã thể hiện rõ nét. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1998-2000 là hơn 10,5 tỷ đồng, bao gồm 5 hợp phần: xây dựng cơ sở hạ tầng; xây dựng trung tâm cụm xã;

quy hoạch và sắp xếp lại dân cư, ổn định và phát triển sản xuất,... Giai đoạn 2001-2005 được đầu tư 19 công trình với tổng kinh phí 8,8 tỷ đồng, bao gồm các công trình làm đường giao thông, trường học, trạm y tế, hệ thống điện, nhà văn hóa (PV, 2008). Nhờ nguồn vốn của Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010, 4 xã có đa số người Mường sinh sống được đầu tư 6 hạng mục công trình đường giao thông ở các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Từ khi triển khai thực hiện, Chương trình đã góp phần tạo chuyển biến lớn trong đời sống của người Mường nơi đây, góp phần phát triển sản xuất và phát triển kinh tế-xã hội. Trong toàn huyện đã cơ bản không còn hộ đói, hộ nghèo giảm từ 31% năm 1999 xuống còn 21% vào cuối năm 2005 (Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa, 2006). Năm 2012, tăng trưởng kinh tế đạt 10,7%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 13,03%; thu nhập bình quân đầu người đạt 980 USD/năm (Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa, 2012).

2. Những tác động đến sinh kế của người Mường qua các nguồn vốn^(*)

** Nguồn vốn nhân lực*

Ở góc độ tổng thể các tộc người ở huyện Cẩm Thủy nói chung và người Mường nói riêng, có thể thấy chất lượng nguồn nhân lực và nguồn lao động đang có những thay đổi theo chiều hướng tích cực. Dân số bình quân của các hộ người

(*) Bài viết sử dụng các kết quả từ cuộc khảo sát điền dã dân tộc học do chúng tôi trực tiếp thực hiện vào tháng 4/2015 tại 4 xã Cẩm Giang, Cẩm Lương, Cẩm Liên, Cẩm Thành thuộc huyện Cẩm Thủy với dung lượng mẫu là đại diện 447 hộ gia đình người Mường (trên tổng số trên dưới 2.000 hộ người Mường sinh sống tại 4 xã này). Đây là các xã có tới 85% dân số là người Mường của huyện Cẩm Thủy.

Mường có xu hướng giảm, từ gần 5,1 khẩu/hộ năm 2001 xuống chỉ còn 4,5 khẩu/hộ năm 2010. Trong khi đó, số lao động bình quân hộ hầu như không đổi và có xu hướng tăng. Có được sự thay đổi trên là do tỷ lệ sinh và tỷ lệ tăng dân số của các hộ người Mường có mức giảm đáng kể trong thời gian qua. Đây là cơ sở bước đầu, tạo điều kiện nâng cao mức sống của người Mường trong thời gian gần đây.

Cùng với đó, trình độ học vấn của người dân cũng có sự cải thiện đáng kể khi tỷ lệ trẻ em người Mường đến trường tăng từ 90% năm 2000 đến 100% năm 2010. Từ năm 2003 đến năm 2007, huyện Cẩm Thủy đã thực hiện chính sách cử tuyển cho 48 học sinh là con em đồng bào dân tộc Mường ở các xã thuộc Chương trình 135 theo chỉ tiêu phân bổ, đến năm 2007 đã có 2 người được phân bổ vào các cơ quan hành chính nhà nước, 9 người đang được xem xét để phân công công tác.

Cũng trong thời gian từ năm 2003-2007, huyện đã thực hiện chính sách thu hút cán bộ, giáo viên đến các xã vùng cao, vùng 135 là 122 người (các xã này có đến 85% dân số là người Mường). Ngoài ra, nhiều kiến thức mới và mô hình mới trong sản xuất cũng đã được đồng bào người Mường tiếp thu và ứng dụng thông qua các hình thức khác nhau. Nguồn vốn nhân lực ở địa phương được đồng bào người Mường đánh giá đã có những thay đổi đáng kể và nhanh chóng.

Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, hầu hết người Mường nơi đây (đến 90%) đều nói rằng nguồn vốn nhân lực thay đổi theo xu hướng tốt. Tuy nhiên cũng nhiều ý kiến thừa nhận rằng, Chương trình cũng có những tác động tiêu cực nhất định như sự phân hóa giữa

các gia đình, sự bất công bằng trong tiếp cận hỗ trợ.

** Nguồn vốn vật chất*

Những điều kiện về vật chất là nguồn lực khá quan trọng trong việc triển khai các hoạt động mưu sinh. Tuy nhiên, trong truyền thống, nguồn lực vật chất hay nguồn vốn về vật chất của người Mường nơi đây rất hạn chế, đặc biệt là cơ sở hạ tầng, chất lượng hệ thống điện, đường, trường, trạm cũng như nhà ở... còn ở mức thấp. Từ khi Chương trình 135 được triển khai, cơ sở vật chất của huyện Cẩm Thủy ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và nhu cầu sản xuất của người dân địa phương, đặc biệt là người Mường.

Hiện nay, cả huyện Cẩm Thủy có 4 trường trung học phổ thông (năm 1999 chỉ có 3 trường). Đến hết năm 2007, đã cơ bản xóa xong nhà tranh tre tạm bợ cho các hộ nghèo của đồng bào các dân tộc nói chung và người Mường nói riêng; đồng thời huyện đang tập trung hoàn thành 8 công trình nước sinh hoạt cho người dân ở 8 xã, trong đó có 4 xã chủ yếu người Mường sinh sống; hỗ trợ 1.048 hộ về đất sản xuất. Đặc biệt, toàn huyện có 19/20 xã, thị trấn đã có đường nhựa đến trung tâm xã; hàng năm tại địa bàn khảo sát làm được 3-5km đường bê tông liên thôn. Điện lưới quốc gia đã kéo đến 19/20 xã, thị trấn. Năm 2000 chỉ 90% số hộ người Mường dùng điện, thì đến năm 2010 con số này là 99%. Công tác chăm sóc sức khỏe cũng được chú trọng, 19/20 xã, thị trấn có trạm y tế đảm bảo chất lượng chăm sóc sức khỏe cho đồng bào.

Với những thay đổi trên, nguồn vốn vật chất trên quy mô hộ gia đình nói chung và các hộ gia đình người Mường nói riêng cũng có những thay đổi đáng kể. Đây cũng chính là nhận định của người

Mường về những thay đổi trong đời sống của họ. Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, gần 95% hộ người Mường cho rằng, nguồn vốn vật chất tốt lên, và chỉ 5% cho rằng, nguồn vốn vật chất không thay đổi. Như vậy, có thể nói, nguồn vốn vật chất có sự thay đổi đáng kể trong toàn huyện Cẩm Thủy nói chung và tại các địa bàn của đồng bào dân tộc Mường nói riêng.

** Nguồn vốn tự nhiên*

Nguồn lực tự nhiên là không gian và môi trường sống của tộc người. Trong đó, đất đai là tài sản vô cùng quan trọng đối với hoạt động mưu sinh của người Mường nơi đây. Kết quả khảo sát cho thấy, ở các hộ người Mường, diện tích đất tự nhiên bình quân hộ rất cao, song có xu hướng giảm nhanh trong thời gian qua, từ 10,57 ha/hộ năm 2000 xuống còn 8,05 ha/hộ năm 2010. Trước đây, đất đai là lợi thế của người Mường, nhưng dưới sức ép của quá trình tăng dân số, lợi thế trên đang giảm dần. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp và diện tích rừng lại tăng trong 10 năm qua, cụ thể năm 2000 diện tích đất nông nghiệp bình quân hộ là 0,85 ha, đến 2010 đã tăng lên 1,15 ha. Khi chương trình giao đất giao rừng triển khai, nguồn lực này đã tăng lên 5,65 ha/hộ vào năm 2010 so với năm 2000 chỉ đạt 2,34 ha/hộ.

Như vậy, mặc dù sức ép lên nguồn tài nguyên đất và rừng ngày càng lớn, nhưng nhìn chung đang có những thay đổi tích cực trong cơ cấu sử dụng đất của đồng bào người Mường trong thời gian qua. Do phương thức sản xuất của đồng bào Mường vẫn chưa hợp lý nên chất lượng tài nguyên đất và tài nguyên rừng có xu hướng xấu đi. Nguyên nhân của hiện tượng này là do trước đây, các hộ đồng bào Mường chủ yếu canh tác theo lối du canh phá rừng làm rẫy, khiến đất ngày càng bạc màu, các tài nguyên rừng bị tàn

phá nặng nề. Nguồn sản vật từ rừng, vốn mang tính chất hỗ trợ sinh kế cho người Mường trước đây ngày càng cạn kiệt.

Trên khía cạnh quy mô, một số chương trình, dự án đã hỗ trợ khai hoang đất sản xuất, do vậy bà con đã ổn định sản xuất trên mảnh đất của mình và diện tích cũng ngày một tăng lên. Phần lớn các hộ được khảo sát đều nhận định, quy mô diện tích đất của họ tăng lên (có 83,5% hộ gia đình trả lời rằng, diện tích đất được tăng lên sau 10 năm thực hiện Chương trình 135, và 16,5% hộ trả lời là diện tích không thay đổi). Điều này khẳng định lại rằng, cùng với các chủ trương, chính sách của địa phương về khai hoang, mở rộng diện tích đất sản xuất, thay đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện của địa phương, các chương trình, dự án cũng đã tác động tích cực đến sản xuất của người dân địa phương.

** Nguồn vốn tài chính*

Nguồn vốn tài chính được xem là nguồn lực khá quan trọng trong hỗ trợ sinh kế của người Mường. Các hộ nghèo đã được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng từ những chương trình khác nhau, trong đó, phải kể đến chương trình vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội với tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo (vay trong nguồn vốn từ 8 triệu đến 50 triệu đồng/hộ với thời hạn từ 2 năm đến 10 năm, mức lãi suất từ 0,2% đến 0,6%). Trên thực tế đối với một số hộ người Mường, việc vay vốn ngân hàng đã đem lại những lợi ích to lớn. Các nguồn vốn này đã hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình người Mường trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng thu nhập và góp phần xóa đói giảm nghèo. Các hộ người Mường đã được bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng lợi khi vay vốn. Cơ chế vay với lãi suất thấp đã tạo cho người Mường cơ hội

tận dụng các nguồn tài nguyên và sức lao động sẵn có để phát triển kinh tế, thay đổi tập quán sản xuất, áp dụng kỹ thuật vào chăn nuôi và trồng trọt.

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, thu nhập bình quân của các hộ người Mường tương đối thấp và không có sự khác biệt giữa các địa bàn. Bình quân thu nhập của các hộ gia đình người Mường khoảng 19,342 triệu đồng/hộ. Theo cơ cấu thu nhập của các hộ được khảo sát, có thể thấy thu nhập từ trồng trọt cao nhất và là nguồn thu nhập chính của các hộ gia đình người Mường và không có sự khác biệt nhiều với các dân tộc khác. Tuy nhiên, thu nhập từ dịch vụ có sự khác biệt lớn giữa các vùng khi các hộ người Mường ở vùng xuôi Cá Thàn có thu nhập cao hơn gấp 9,5 lần so với các hộ người Mường ở địa bàn khác do có dịch vụ du lịch.

Mặc dù mức thu nhập còn chưa cao nhưng thu nhập của các hộ người Mường đã có những cải thiện đáng kể trong những năm qua. Không những thế, họ cũng có thể tiếp cận tốt hơn đối với nguồn tín dụng để bù đắp những khó khăn về tài chính.

** Nguồn vốn xã hội và sự xuất hiện những mối quan hệ mới*

Trong truyền thống, quan hệ giữa các thành viên, giữa các gia đình trong cộng đồng người Mường khá bền chặt và mang tính tương trợ. Bên cạnh mối quan hệ giữa những người cùng thôn bản, quan hệ dòng họ của người Mường luôn có vai trò quan trọng trong các hoạt động mưu sinh. Tính cố kết bền chặt giữa các gia đình trong dòng họ, giữa các dòng họ trong cộng đồng làng bản được thể hiện khá rõ trong việc giúp đỡ nhau kể cả về vật chất và tinh thần khi gia đình có công việc lớn (làm nhà, đau ốm, hiếu hỉ,...), khi thời vụ đến hoặc khi gặp thiên tai, mất mùa, dịch

bệnh,... Sự giúp đỡ này không theo thời hạn nào và không phải tính lãi. Tình làng, nghĩa bản và các mối quan hệ dòng họ được củng cố và duy trì bởi một hệ thống các quy định mang tính truyền thống của cộng đồng người Mường.

Quan hệ xã hội trước đây của người Mường đã hình thành những mối quan hệ tương trợ tốt đẹp, tạo nguồn lực cho các hoạt động mưu sinh. Song bên cạnh những đặc điểm mang tính ưu việt, quan hệ xã hội của người Mường còn tồn tại một số tập quán, thói quen,... ảnh hưởng không tốt tới việc phát triển sinh kế hiện nay, như chủ nghĩa bình quân khi hưởng lợi (quy định xét hộ nghèo ở mỗi bản người Mường còn mang nặng tính cào bằng, ước lệ), tính cộng đồng trong công việc, tính khép kín (làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và mở rộng thị trường), sự giảm sút về vai trò của các luật tục, khế ước trong thiết chế cổ truyền... Trên thực tế, những vấn đề này đã hạn chế không nhỏ công cuộc chuyển đổi sinh kế của người Mường trong cơ chế thị trường hiện nay.

Ngoài ra, các mối quan hệ trong cộng đồng người Mường ở Cẩm Thủy hiện nay còn chịu sự chi phối của hệ thống hành chính, luật pháp của Nhà nước. Những mối quan hệ và mạng lưới xã hội mới của người Mường nơi đây đã xuất hiện dưới các hình thức tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở các địa phương như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh đã được nâng cao và củng cố. Khi trở thành các hội viên, người nông dân Mường được học hỏi, giao lưu và tiếp nhận những cơ hội và quyền lợi do tổ chức đoàn thể đem lại. Mạng lưới xã hội như hệ thống thị trường đã bước đầu phát triển. Đây thực sự đang là mạng lưới hỗ trợ tích cực cho người Mường trong phát triển sinh kế.

3. Kết luận

Qua phân tích tác động của Chương trình 135 đến sinh kế của người Mường ở huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi đưa ra một số kết luận như sau:

- Sinh kế của người Mường đã có những thay đổi đáng kể trong thời gian qua, các nguồn vốn sinh kế của người dân đã có sự thay đổi đáng kể từ cấp độ cộng đồng đến cấp độ hộ gia đình. Trong đó, nguồn vốn vật chất và nguồn vốn nhân lực có sự thay đổi nhanh nhất. Đây là điều kiện cơ bản làm thay đổi cơ hội cho các chiến lược sinh kế của người Mường.

- Người Mường từ một sinh kế phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên đã chuyển căn bản qua phát triển sản xuất để có thu nhập. Mặc dù hoạt động sản xuất vẫn chưa đa dạng và hiệu quả, nhưng những thay đổi lớn trong thời gian qua đã làm tiền đề cho một chiến lược sinh kế bền vững vào những giai đoạn sau. Đạt được kết quả trên là do nhiều tác động, trong đó Chương trình 135 là một trong những tác động lớn nhất và hiệu quả nhất. Điều này không chỉ thể hiện ở kết quả của Chương trình mà còn qua sự thừa nhận và đánh giá của người Mường nơi đây về Chương trình.

- Mỗi vùng miền và khu vực xã khác nhau và mỗi hộ gia đình khác nhau thì mức độ tác động của Chương trình cũng khác nhau. Những nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi, như sự giàu có về đất đai, nguồn nước, hay gần các trung tâm thì tác động của Chương trình càng rõ nét và ngược lại.

- Đồng bào Mường gắn liền với những tập tục truyền thống, vì vậy người Mường khó tận dụng cơ hội từ Chương trình tạo ra. Do đó, tác động của Chương

trình lên sinh kế của đồng bào Mường chưa lớn.

- Thiếu sự đồng bộ và giám sát trong đầu tư là một trong những nguyên nhân cơ bản làm hạn chế tác động của Chương trình. Vì thế, ở một số địa bàn hiệu quả của Chương trình chưa cao □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa (2006), *Báo cáo tổng kết Chương trình 135 giai đoạn 1999-2005*, Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Thanh Hóa.
2. Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa (2007), *Phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa (2012), *Báo cáo tổng kết Chương trình 135 giai đoạn 2006-2010*, Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Thanh Hóa.
4. Bùi Bích Lan (2013), *Hoạt động mưu sinh của người Kháng ở Chiềng Bôm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Viện Dân tộc học.
5. Nguyễn Văn Sửu (2010), “Khung sinh kế bền vững: Một cách phân tích toàn diện về phát triển và giảm nghèo”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
6. PV (2008), *Ban Dân tộc HDND tỉnh Thanh Hóa: Thực hiện Chương trình giám sát tại một số địa phương*, <http://chuongtrinh135.vn/Tin-Tuc-Su-Kien/Hoat-Dong-Cua-Trung-Uong/NewsId/140/PageView/Ban-Dan-toc-HDND-tinh-Thanh-Hoa--Thuc-hien-Chuong-trinh-giam-sat-tai-mot-so-dia-ban>.